A.20 Kinh A-Ma-Trú

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

20. KINH A-MA-TRÚ _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi, đi hóa đạo từ nước Câu-tát-la lần đến làng Y-xa-năng-già-la của Bà- la-môn. Tại đây, đức Thế Tôn dừng nghỉ tại rừng Y-xa thuộc nước Câu-tát-la. Bấy giờ, có Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la hiện sống tại thôn úc-già-la. Đây là một thôn dân cư đông đúc, giàu sang, phúc lạc do Vua Ba-tư-nặc phong cho Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la để lo phần cúng tế Phạm thiên. về thân thế của Bà-la-môn trên, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bi ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra ông còn rất giỏi về khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lê tê tự. Ong có năm trăm đệ tử và thường xuyên dạy dỗ một cách chu đáo. Người đứng đầu trong số đệ tử ấy là A-ma-trú. về thân thế A-ma-trú, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra, ông còn rất giỏi về khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lễ tế tự. Ông cũng có năm trăm đệ tử và thường dạy dỗ một cách chu đáo cũng như thay ông, không hơn không kém. Bấy giờ, Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la nghe Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích-ca đã xuất gia và thành đạo cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đến tại thôn Bà-la-môn Y-xa-năng-già-ta-la nước Câu-tát-la và đã nghỉ tại rừng Y-xa. Sa-môn Cù-đàm là người rất có tiếng tăm, được đồn đãi khắp thiên hạ, là bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Ngài không những đã tự chứng ngộ giữa hàng trời, người, ma, thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn mà còn vì những chúng sanh khác thuyêt pháp, ban đâu, khoảng giữa, sau cùng đều toàn thiện, nghĩa lý đầy đủ, Phạm hạnh thanh tịnh. Ông tự nghĩ: "Một bậc Chân nhân như thế, ta phải đến yết kiến để xem Sa-môn Cù-đàm có thật đây đủ ba mươi hai tướng tót và đúng như sự đôn đãi hay không? Ta phải dùng cách gì để xem tướng của Phát?" Rồi ông lại nghĩ: "Nay đệ tử ta là A-ma-trú, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bi ai khinh hủy, là người đọc tụng thông suốt ba bộ Phệ-đà và có khả năng phân biệt các loại kinh sách khác. Ngoài ra, A-ma-trú còn rát giỏi vê khoa tướng pháp của bậc đại nhân và những nghi lễ tế tự. Chỉ có A-ma-trú là người có thể để ta sai đến xem Phật có tướng tốt hay kh6ng"

266 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi ấy, Bà-la-môn liền bảo A-ma-trú: Nay ngươi hãy đến xem thử Sa-môn Cù-đàm thật có ba mươi hai tướng tốt hay không? Bây giờ, A-ma-trú thưa với thây: Bạch thây, con phải suy xét như thê nào đê biêt được tướng tót của Cù- đàm là có thật hay không thật. Nay ta bảo ngươi: Nếu vi có đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân thì nhất đinh phải hướng đến một trong hai con đường sau đây: (1) Nếu vi ấy tại gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị bốn châu thiên hạ, thường lấy Chánh pháp giáo hóa mọi người và thống lãnh dân chúng. Nhà vua có đủ bảy báu: Xe vàng, voi trắng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ và điển binh. Vua có một ngàn người con, rất khỏe mạnh, thông minh và đủ sức dẹp trừ oán địch, không sử dụng binh đao mà thiên hạ

vẫn thái bình, dân trong nước không còn sợ hãi. (2) Nếu vị ấy không thích ở thế gian mà xuất gia cầu đạo thì sẽ thành bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Căn cứ vào đó thì có thể biết Sa-môn Cù-đàm thật có tướng tốt hay không. Sau khi vâng lời thầy dạy, A-ma-trú liền sửa soạn xe báu, sáng sớm hôm sau dẫn năm trăm đệ tử thanh niên ra khỏi thôn, tiến thẳng đến rừng Y-xa. Khi đến nơi, xuống xe đi bộ đến chỗ Phật ngự. Khi đức Phật ngồi thì A-ma-trú đứng, đức Phật đứng thì A-ma-trú ngồi, cứ như thế đề luận bàn nghĩa lý trong khoảng thời gian trên. Khi đó, đức Phật hỏi thanh niên: Ngươi đã từng đàm luận như thế này với những bậc kỳ cựu, trưởng lão, đại Bà-la-môn hay chưa? A-ma-trú thưa: Y Ngài muôn dạy gì? Đức Phật bảo: Trong thời gian đàm luận, Ta ngồi thì ngươi đứng; Ta đứng thì ngươi ngồi. Vậy cách đàm luận của thầy ngươi có như thế không? Thanh niên bạch Phật: Cách đàm luận của Bà-la-môn chúng tôi là ngồi thì cùng ngồi, đứng thì cùng đứng, nằm thì cùng nằm. Nay sở dĩ như thế, vì các Sa-môn là những người hủy hoại hình hài, là kẻ cô độc, hạ liệt, đê hèn, nhỏ mọn và tu hành theo pháp mờ ám. Do đó, khi tôi đàm luận với hạng người này, không thể cùng đứng, cùng ngồi. Đức Phật liền bảo thanh niên: Chàng nhỏ này, kẻ chưa được dạy dỗ! Khi thanh niên A-ma-trú nghe Thế Tôn gọi mình là "chàng nhẻ)" và là “kẻ chưa được dạy d6" liền nổi giận và hủy báng Phật:

-Thật đúng là dòng họ Thích, ôm lòng ganh ti, không có lễ độ! Đức Phật hỏi thanh niên: Những người dòng họ Thích có lỗi gì với ngươi? Thanh niên đáp: Trước đây, thầy tôi có chút việc sai tôi đến nước Ca-duy-la-vệ của dòng họ Thích. Khi đó, những người dòng họ Thích vì có chút việc nên tụ tập rất đông tại giảng đường, thấy tôi từ xa thì họ khinh mạn, cười cợt, không theo phép tắc, không đối đãi cung kính. Phật bảo thanh niên: Những người dòng họ Thích kia đang ở nước mình, vui đùa thỏa thích, như những con chim tự do bay ra, bay vào trong khu rừng mà chúng làm tổ. Những người dòng họ Thích tự do vui đùa trong nước của họ cũng giống như vậy. Thanh niên bạch Phật: -ở đời có bốn đẳng cấp: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la. Ba đẳng cấp kia thường tôn trọng, cung kính, cúng dường đẳng cấp Bà-la-môn. Nhưng những người dòng họ Thích kia lại không hành động như thế. Những người dòng họ Thích kia đúng là hạ liệt, đê hèn, nhỏ mọn, không biết cung kính dòng họ Bà-la-môn của tôi. Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng suy nghĩ: "Thanh niên A-ma-tru này đã nhiều lần mạ lỵ và nói những lời nhỏ mọn. Nay Ta không thể không đề cập đến nguồn gốc của dòng họ chàng để điều phục chàng u?” Sau khi suy nghĩ như thế, Phật bảo thanh niên: Này A-ma-trú, dòng họ ngươi là gì? A-ma-trú đáp: -Dòng họ tôi là Thanh Vương. Đức Phật bảo: -Này thanh niên kia, nếu dòng họ ngươi đúng như vậy, đó thuộc dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca vậy. Khi ấy, năm trăm đệ tử của A-ma-trú đều la lớn và bảo Phật: -Chớ nói như the! Chớ bảo rằng dòng họ A-ma-trú là dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca! Vì sao? Vì thanh niên A-ma-trú quả thật là người dòng họ quý tộc, dung mạo đoan chánh, có tài biện luận theo từng trường hợp, học rộng, nghe nhiều, đủ sức đàm luận với Sa-môn Cù-đàm. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo năm trăm thanh niên kia: -Nêu thây các ông cuôi cùng không đúng như lời các ông đã nói, các ông phải từ bỏ thầy của các ông để cùng với Ta luận bàn nghĩa lý. Ngược lại, nếu thầy các ông đúng như những điều các ông đã

đề cập, các ông hãy im lặng để Ta luận bàn với thầy các ông.

268 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi đó, năm trăm thanh niên thưa Phật: Tất cả chúng tôi đều im lặng để nghe Cù-đàm bàn luận với thầy chúng tôi. Bấy giờ, năm trăm thanh niên đều im lặng. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo A-ma-trú: Ta nhớ thuở quá khứ xa xưa, có một vị vua tên là Thanh-ma. Nhà vua có bôn người con: Người thứ nhát tên là Diện Quang, người thứ hai tên là Tượng Thực, người thứ ba tên là Lộ Chỉ, người thứ tư tên là Trang Nghiêm. Bốn người con của Vua Thanh-ma vì lúc nhỏ có phạm lỗi nên bị nhà vua trục xuất khỏi nước đến phía Nam núi Tuyết và ở trong rừng Trực Thọ. Thân mâu và quyên thuộc của bôn người con trên ai nây đêu thương nhớ, bèn cùng nhau họp lại, thảo luận, roi đên chô Vua Thanh-ma và thưa: "Tâu Đại vương, xin ngài biết cho, chúng tôi vì đã xa cách các con quá lâu, nay muốn di thín!” Nhà vua bảo: uTùy ý, muốn đi thi di!" Bây giờ, thân mâu và quyên thuộc của bôn người con trên nghe nhà vua đã cho phép, liền cùng nhau đi đến rừng Trực Lâm ở phía Nam núi Tuyết, đến chỗ bon người con. Khi ấy, các bà mẹ đó bảo: "Con gái của tôi cùng với con trai của bà, con gái của bà cùng với con trai của tôi hãy lây nhau và thành vợ chông.,, Sau đó họ sanh một nam tử dung mạo đoan chánh. Vua Thanh-ma vui mừng bảo: "Bây đúng là con dòng họ Thích! Thật đúng là đồng tử thuộc dòng họ Thích! Vì có thể tự lập, tự tồn. Nhân đó, mới có tên gọi là dòng họ Thích” Như thế, Vua Thanh-ma là Tổ tiên dòng họ Thích. Vua có một nữ tỳ tên Phương Diện, dung mạo đoan chánh, lại tư thông với một Bà-la-môn, thọ thai và sau đó hạ sanh một nam tử, vừa sanh ra liền biết nói và bảo cha mẹ răng: "Hãy tăm gội cho con! Hãy tăm gội những ô uê cho con! Sau này con khôn lớn, con sẽ báo đáp ân đức của cha mẹ!^, Vì đứa bé mới sanh ra đã biết nói nên gọi là Thanh Vương. Cũng như ngày nay, nếu đứa bé nào mới sanh ra đều biết nói thì thiên hạ đều kinh sợ nên gọi là khả úy. Đứa bé trên cũng vậy. Hơn nữa, mới sanh ra liền biết nói nên cũng gọi là Thanh Vương. Từ đó về sau, dòng Bà-la-môn lấy Thanh Vương làm họ của mình. Đức Phật lại bảo thanh niên A-ma-trú: —Ngươi đã từng nghe các bậc tiền bối, tôn túc, kỳ cựu, trưởng lão, đại Bà- la-môn nói đến nguyên nhân của dòng họ này chưa? Lúc đó? thanh niên A-ma-trú đứng yên, không đáp. Đức Phật hỏi lại lần thứ hai. A-ma-trú vẫn im lặng, không đáp, cho đến lần thứ ba đức Phật bảo A-ma-trú:

Dịch giả thời Tần dịch: Thích là có thể sống trong rừng Trực Lâm, Thích cũng có nghĩa là Trực.

20. KINHA-MA-TRÚ 269

9 • J. Á 1 À • 19« 9 1 y • ,1 *1 /\ •

Ta hỏi đên lân thứ ba, ngươi phải mau trả lời, nêu không trả lời thì sẽ bị Lực Sĩ Mật Tích tay câm chày vàng đứng cạnh Ta sẽ bô vào đâu ngươi vỡ làm bảy phần. Lực Sĩ Mật Tích tay cầm chày vàng, đứng giữa hư không, ngay trên đầu A-ma-trú? nếu như thanh niên này không trả lời ngay thì Lực Sĩ Mật Tích sẽ bổ chày vàng, làm cho vỡ đầu A-ma-trú. Đức Phật bảo thanh niên: Ngươi hãy ngước lên xem! Khi thanh niên A-ma-trú ngước lên, liền thấy Lực Sĩ Mật Tích tay cầm chày vàng, đứng giữa hư không

thì sợ hãi, lông tóc dựng ngược, liên rời khỏi chô ngồi đến gần đức Thế Tôn, mong đức Phật cứu giúp và bạch đức Phật: Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cứ hỏi, tôi sẽ đáp ngay! Đức Phật bảo thanh niên: Ngươi đã từng nghe các bậc tiền bối, kỳ cựu, tôn túc, đại Bà-la-môn nói đến nguyên nhân dòng họ này chưa? Thanh niên đáp: -Tôi tin là đã từng nghe và thật có điều này. Lúc đó, năm trăm đệ tử đều lên tiếng và bảo nhau: Thanh niên A-ma-trú này thật là dòng họ nô tỳ của dòng họ Thích-ca! Sa- môn Cù-đàm đã nói thật. Chúng ta không còn mang lòng khinh mạn nữa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Năm trăm thanh niên này về sau chắc sẽ ôm lòng khinh mạn, gọi A-ma-trú là kẻ dòng họ nô tỳ. Nhân đây, Ta hãy hủy bỏ các danh xưng nô tỳ ấy." Nên Ngài bảo năm trăm thanh niên: -Này các ngươi, hãy cẩn thận chớ gọi A-ma-trú là dòng họ nô tỳ! Vì sao? Vì Tổ tiên Bà-la-môn của A-ma-trú là một Đại Tiên nhân, có oai lực lớn đã chinh phạt Vua Thanh-ma. Vì nhà vua quá sợ nên đã nạp công chúa cho ông ta. Nhờ đức Phật nói như thế nên họ không còn gọi A-ma-trú là dòng họ của nô tỳ nữa. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-ma-trú: -Này thanh niên, ngươi nghĩ sao, nêu người con gái thuộc dòng Sát-đê-lợi từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, bằng lòng làm vợ một Bà-la-môn, sau đó hạ sanh một con trai, dung mạo đoan chánh. Vậy người con trai ây, có được ở trong dòng họ Sát-đê-lợi, ngôi nhận lãnh nước, đọc tụng pháp điển của Sát-đế-lợi không? A-ma-trú đáp: Không được! Đức Phật hỏi: Có được thừa hưởng tài nghiệp của cha không? Không được!

Đức Phật hỏi

CÓ được thừa kế chức vụ của cha không?

Không được!

A-ma-trú nghĩ sao, nếu có một người con gái dòng họ Bà-la-môn, từ bảy đời trở lại, cha mẹ đều chân chánh, không bị ai khinh hủy, làm vợ một người dòng Sát-đế-lợi, sanh một con trai, dung mạo đoan chánh. Vậy người con trai đó có được vào trong chúng Bà-la-môn? có được ngồi hoặc đứng để nhận lãnh nước hay không?

-Được!

Đức Phật hỏi:

Được đọc tụng pháp điển Bà-la-môn không?

-Được!

Đức Phật hỏi:

- Có được hưởng phần di sản và thừa kế chức nghiệp của cha không?

-Được!

A-ma-trú nghĩ sao, nêu dòng Bà-la-môn đuôi một người Bà-la-môn.

Người này vào trong dòng Sát-đê-lợi, có được phép ngôi, hoặc đứng, nhận lãnh

-Uy v c • nước hay đọc tụng pháp điên Sát-đê-lợi không?

Không được!

Đức Phật hỏi:

ĩ @

Có được hưởng di sản và thừa kê chức nghiệp của cha không? Không được! Nêu dòng Sát-đê-lợi đuôi một người Sát-đê-lợi. Người này vào trong chúng Bà-la-môn. Vậy người này có được phép ngồi, hoặc đứng, nhận lãnh nước, đọc tụng pháp điên Bà-la-môn và được hưởng phân di sản hoặc thừa kê chức nghiệp của cha không? -Được! Thế nên, này A-ma-trú, trong những người đàn bà thì đàn bà dòng Sát- đế-lợi là hơn hết! Trong những người đàn ông thì đàn ông Sát-đế-lợi là hơn hết, chứ không phải là dòng Bà-la-môn. Bấy giờ, Phạm thiên cung kính tự nói bài kệ: Sanh Sát-lợi tối thắng, Chủng tánh cũng thuần chơn, Minh, Hạnh đêu đây đủ, Tôi thăng trong trời, người. Khi ấy, đức Phật bảo thanh niên rằng: -Phạm thiên nói bài kệ này thật là khéo nói, chứ không phải vụng nói, được Ta ấn khả. Vì sao? Vì Ta nay là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói lên ý nghĩa này.

20. KINHA-MA-TRÚ < 271

Sanh Sát-lợi tôi thăng, Chủng tánh cũng thuần chơn,
Minh, Hạnh đều đầy đủ, Tối thắng trong trời, người.
Thanh niên A-ma-trú bạch đức Phật:
- Sao gọi là Vô Thượng Sĩ, Minh Hạnh Túc?
Đức Phật bảo thanh niên:
Hãy lăng nghe! Hãy lăng nghe! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ nói cho ngươi nghe!
r
-Thưa vâng, con muôn nghe! Đức Phật bảo: -Nếu có bậc Như Lai xuất hiện ở thế gian là bậc ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tự chứng trong hết thảy trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên ma, Phạm vương và còn vì chúng sanh khác thuyết pháp, lời nói đầu, giữa, sau cùng đều toàn thiện, ý nghĩa đầy đủ, mở bày hạnh thanh tịnh. Nếu có cư sĩ hoặc con cư si, hay các dòng họ khấc nghe được Chánh pháp sanh lòng tin tưởng an vui. Do lòng tin tưởng, an vui mà tự nghĩ: "Nay ta là người tại gia, bị vợ con ràng buộc nên không thể tu Phạm hạnh một cách hoàn toàn thanh tinh được! Vậy, ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo." Thế rồi, vào thời gian khác, những người trên từ bỏ gia đình, tài sản và thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu dạo, cùng với những người xuất gia đều loại bỏ sự trang sức, đay đủ các giới hạnh, không giết hại chúng sanh, từ bỏ đao gậy, có lòng tàm quý, có lòng thương tất cả chúng sanh. Đó là giới không sát sanh. Người này lại bỏ tâm trộm cap, không lây của không cho, tâm họ thanh tinh, không có ý trộm cắp làm của riêng. Đó là giới không trộm cắp. Người này từ bỏ tâm dâm dục, thanh tịnh tu Phạm hạnh, cần mẫn siêng năng, không bi tham dục làm ô nhiễm, sống cuộc đời trong sạch. Đó là giới không dâm dục. Người này lại từ bỏ sự nói dối, nói lời rất thành thật, không dối gạt một ai. Đó là giới không nói dối. Người này lại từ bỏ lời nói hai chiều, như nghe những gì ở đây không đem đến chỗ khác để nói, hay ngược lại nghe những gì ở chỗ khác không đem đến chỗ này để nói, nếu có người nào vì duyên cớ gì đó? ly biệt nhau thì khéo vì họ làm cho hòa hiệp, khiến họ thương kính lẫn nhau, phàm nói ra lời nào cũng đều hòa thuận và hợp thời. Đó là giới không nói hai chiêu. Lìa bỏ lời nói độc ác, lời thô tục, ngang

ngược, gây phiên não cho người khác làm cho họ sanh lòng tức giận, lìa bỏ những lời nói như thế, chỉ nói lời hòa nhã, không làm người khác sanh oán hận; nói những lời có nhiều lợi ích, mọi người đều thương kính và thích nghe. Đó là giới không nói lời độc ác. Người này lại từ bỏ lời nói thêu dệt, lời nói hợp thời, thành thật đúng như pháp, y luật để dứt trừ nguyên nhân tranh cãi, hoặc có duyên sự cần nói mới nói, không nói vô cớ. Đó là giới không nói thêu dệt. Người này lại bỏ uống rượu, xa lánh những nơi ồn ào phóng đãng, không thoa hương, không mang tràng hoa

và anh lạc, không ca múa xướng hát và cũng không cố đến xem nghe, không ngồi giường cao, không ăn phi thời, không cất, không dùng vàng, bạc, của báu, không cưới vợ và nàng hầu, không nuôi tôi tớ, voi, ngựa, bò để kéo xe, gà, chó, heo, dê và không tạo lập ruộng, nhà, vườn, ao, không làm những việc xảo trá như đong non, cân thiếu gạt gẫm người đời, không dùng bàn tay, nắm tay đánh nhau, không vu cáo cho người, không làm những việc xảo trá quỷ quyệt. Xả bỏ tất cả những điều bất thiện như thế lại còn dứt trừ những điều tranh tụng, cũng như những việc bất thiện khác. Phàm làm việc gì đều đúng thời, phi thời không làm, lượng bụng mà n, không có cát chứa, quân áo che thân chỉ vừa biêt đủ, ca-sa, bình bát thường mang bên mình như đôi cánh chim chắp liền vào thân. Những Tỳ-kheo khác cũng lại như vậy. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn5 dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường, lại còn mong cầu cất chứa những thứ y phục và đồ ăn uống không bao giờ nhàm chán và biết đủ. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng vẫn còn tự mình kinh doanh, buôn bán hoặc gieo trồng các loại cây làm nơi nương tựa cho các quỷ thần. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta không bao giờ có những việc như thê. Này thanh niênA-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhimg lại dùng nhiều phương tiện hầu mong cầu lợi dưỡng cho mình, như dùng ngà voi và những loại báu khác để làm giường cao, thật rộng và lớn, gối êm, nệm dày, chăn ấm, lại thêu những màu sác rực rỡ. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng đuờng nhưng lại còn tạo những phương tiện để làm trang sức thân mình, như dùng dâu tô thoa ướp vào mình, tắm gội bằng nước thơm, dùng hương bột rải khắp mình, chải đầu với dầu thơm, mang tràng hoa đẹp, thoa mặt, hoặc mang vòng vàng, tắm sạch rồi lại soi gương, hoặc đi giày thêu nhiều màu, mặc áo thuần màu trắng, dao gậy luôn luôn đeo bên mình, hoặc đi bằng lọng báu, tay cầm quạt báu, sửa soạn xe báu thật lộng lẫy. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã nhận lãnh các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng lại ham thích vui chơi bằng những cuộc cờ, như chơi loại cờ có tám đường đi, mười đường di, trăm đường đi, cho đến rất nhiều đường di, cho đến thực hiện mọi thứ vui đùa. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế.

Này thanh niên A-ma-trú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhtrng lại thường nói những lời vô ích, chướng ngăn Thánh đạo, như nói những chuyện quân trận, xe ngựa chiến đấu của nhà vua, hoặc chuyện các đại than cưỡi ngựa, cưỡi xe ra vào, dạo chơi ở vườn... hoặc luận bàn những việc nằm, đứng hay những bước đi của người con gái, hoặc những việc y phục, ăn uông, bà con v.v... lại nói những chuyện lặn xuống đáy biển tìm của báu. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. W thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đên cúng dường nhưng dùng vô sô phương tiện chỉ thuộc tà mạng, như trau chuốt văn chương, lời hay ý đẹp, hoặc tướng nghiêm trang, chê bai người khác, lấy lợi cầu lợi. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí đem đến cúng dường nhưng lại cùng nhau tranh tụng, hoặc ở vườn cây, hay hồ tắm, hoặc ở giảng đường cùng nhau tranh cãi các chuyện thị phi, như nói: "Ta là người biết rõ kinh luật, còn ngươi không biết gì cả5 ta hướng về chánh dạo, còn ngươi thì hướng đến nẻo tà. Lấy trước nói sau, lây sau nói trước.^, Hoặc nói: “Ta có đủ sức nhân nhục với ngươi nhimg ngươi không thê có được, những điêu gì được ngươi nói ra đêu không chân chánh, nếu ngươi còn nghi ngờ thì hãy đến hỏi ta, ta sẽ giải đáp một cách tường tan/9 Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-matrú, như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhung lại tự tạo ra những phương tiện mong làm sứ giả, hoặc làm sứ cho vua, đại thần của vua, cư si, làm người thông tin từ đây đến kia, từ kia đến đây, đem tin từ chỗ này đến trao chỗ kia, hay đem tin chỗ kia đến chỗ này, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm. Còn vị Tỳ- kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú? như có một số Sa-môn9 Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại chuyên luyện tập những việc như chiến trận, tranh cãi hơn thua, hoặc luyện tập những thứ dao, gậy, cung, tên, hoặc đấu gà, chó, heo, dê, voi, ngựa, trâu, lạc đà, những thứ gia súc, v.v... hoặc phe nam, phe nữ đâu nhau và trôi lên không ngớt những tiêng nhạc vui đùa như tiếng ốc, tiếng trống, tiếng ca múa, thực hiện các loại kỳ hy, v.v... Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niênA-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sổng, như xem tướng lành, dữ, tốt, xấu của con trai,

con gái và tướng của súc sanh để mong cầu lợi dưỡng. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như kêu gọi quỷ thần

rồi lại sai khiến, thực hiện các loại trù yểm; dùng vô số phương tiện để đe dọa người khác, khiến cho tụ, khiến cho tán, khiến cho vui, khiến cho khổ; cũng có thể khiến cho người an thai, xuất thai; lại có thể dùng chú thuật khiến cho người ta thành lừa, thành ngựa; lại có thể khiến cho người ta trở thành đui, điếc, câm, ngọng, thực hiện các phép thuật như vòng tay nhìn vê mặt trời, mặt trăng, thực hành khô hạnh, v.v... để mong cầu lợi dưỡng. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta, không bao giờ làm những việc như the. Này thanh niên A-ma-trú5 như có một sô Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhimg lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như đọc tụng thần chú để chữa bệnh cho người, hoặc tụng ác thuật hoặc làm thiện chú hoặc làm thuốc, châm chích và trị liệu tất cả các bệnh trạng. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn5 Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như tụng chú nước, lửa, hoặc tụng chú quỷ, hoặc tụng chú Sát-lợi, hoặc tụng điểu chú và những loại chú khác; hoặc dùng phù chú để làm an ổn nhà cửa, hoặc phóng hỏa đốt chuột để giải trừ chú; hoặc đọc những loại sách viết về sự cách biệt, sự sống và sự chết; hoặc đọc sách bàn mộng, sách bàn về tướng tay, tướng mặt; hoặc tụng sách thiên văn, hoặc tụng những loại sách nói về tất cả âm thanh. Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên A-ma-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng lại làm những điều tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như đoán xem thời tiết có mưa hay không mưa, được mùa hay mất mùa; nhiều bệnh hay ít bệnh, kinh sợ hay an ổn; hoặc nói sẽ CÓ động đất, sao choi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói những điêu ây không c6, hoặc nói những diêm lành, diêm dữ như vậy, v.v... Còn vị Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ có những việc như thế. Này thanh niên Ama-trú, như có một số Sa-môn, Bà-la-môn dù đã lãnh thọ các thứ thức ăn do tín thí cúng dường nhưng vẫn làm những việc tà mạng, ngăn ngại đạo pháp để tự sinh sống, như nói nước này thắng, các nước kia thua, hoặc nói nước kia thăng các nước này thua, hoặc coi tướng lành dữ đê nói thịnh hay suy. Còn vi Tỳ-kheo đã vào trong giáo pháp của Ta thì không bao giờ làm những việc như thế. Trái lại, vị ấy chỉ chuyên tu theo đúng Thánh giới, không

CÓ tâm nhiễm trước, bên trong giữ tâm hỷ lạc, dầu mắt thấy sắc nhimg không châp tướng và không bị sác ràng buộc, kiên cô văng lăng, không còn tham đăm, cũng không có lo sợ, ngăn chặn các ác pháp, kiên trì giới luật, khéo bảo vệ nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn cũng như thế, khéo chế ngự sáu xúc, hộ trì và điều phục chúng, khiến được an ổn. Ví như người cưỡi xe bốn ngựa chạy trên đất bằng, khéo khiến xe không trật đường, Tỳ-kheo cũng thế, biết chế ngự sáu căn, an ổn không hư mất. Vị Tỳ-kheo đã có Thánh giới như vậy, được các Thánh căn, ăn vừa biết đủ, cũng không tham những món ăn ngon, chỉ cần nuôi thân để khỏi bệnh hoạn, không bao giờ cống cao, luôn điều hòa thân minh, khiến khổ cũ tiêu diệt và khổ mới không phát sanh. Có sức vô sự làm cho thân được an lạc. Cũng như có người lây thuôc đáp vào vét

thương chỉ muôn làm sao vét thương mau lành, không câu tót đẹp và cũng không vì thê mà tự cao. Này thanh niên A-ma-trú? những Tỳ-kheo như thế, chỉ ăn vừa đủ nuôi thân, lòng không khinh mạn, phóng túng. Cũng như xe cao dùng để vận tải cho thông suốt, sớm đến mục đích. Tỳ-kheo cũng thế, ăn đủ nuôi thân vì muốn hành đạo. Này A-ma-trú, những Tỳ-kheo như vậy ăn đủ nuôi thân để mà hành đạo. Những Tỳ-kheo thành tựu được Thánh giới như thế đắc được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ, đâu đêm, cuôi đêm siêng năng giác tính, và trọn ngày nêu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái. Vi Tỳ-kheo ấy, vào lúc đầu đêm, nếu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái, cho đến nửa đêm nằm nghiêng phía bên tay mặt và nhớ thức dậy đúng giờ, phải giữ tư tưởng luôn luôn trong sáng, tâm không rối loạn, đến cuối đêm liền thức dậy tư duy, nếu đi hoặc ngồi thường niệm nhất tâm để trừ các ấm cái. Tỳ-kheo có Thánh giới đầy đủ như vậy nên được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ, đầu đêm, cuối đêm tinh tấn giác tỉnh, thường niệm nhất tâm, không có tán loạn. Thế nào là Tỳ-kheo niệm không tán loạn? Tỳ-kheo quán thân trong thân, tinh càn không giải đãi, ghi nhớ không quên để trừ bỏ tham ưu ở đời; quán ngoài thân, quán trong và ngoài thân, tinh cần không giải đãi, ghi nhớ không quên để trừ bỏ tham ưu ở đời, quán thọ, quán ý và pháp cũng như vậy. Đó là vị Tỳ-kheo niệm không tán loạn. Thế nào gọi là nhất tâm? Tỳ-kheo đi ra, đi vào hay nhìn ngó hai bên5 co duỗi tay chân, hay ngước lên, nhìn xuống hoặc cầm giữ y bát, nhận lãnh thức ăn, thức uống, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói năng hay im lặng, v.v... trong tất cả thời, thường niệm nhất tâm, không mất oai nghi. Đó là nhất tâm. Ví như có người cùng đi với đại chúng hoặc đi trước, đi giữa hay đi sau, thường được yên ổn không sợ hãi. Này thanh niên A-ma-trú, Tỳ-kheo như thế, nếu đi ra, đi vào, v.v... cho đến nói năng hay im lặng thường niệm nhất tâm không có lo sợ. Tỳ-kheo có Thánh giới như vậy, nêu được các Thánh căn, chỉ ăn vừa đủ; đâu đêm, cuôi đêm tinh

cản tỉnh giác, thường niệm nhát tâm, không có tán loạn; thích ở nơi văng vẻ, hoặc dưới gốc cây, hoặc bãi tha ma, hoặc trong hang núi, hoặc giữa đồng trống, hay tại đông rơm; đên giờ thì đi khát thực, ăn xong rửa sạch tay chân, thâu xép y bát, bèn ngôi kiêt-già, thân ngay thăng, ý chân chánh, giữ niệm trước mặt; loại bỏ xan tham, tâm không bị ràng buộc; dứt trừ tâm sân hận, không có oán kết, trụ tâm thanh tịnh; thường đem lòng thương xót chúng sanh; loại trừ sự ngủ nghỉ, giữ cho ý tưởng luôn luôn sáng suốt và niệm không tán loạn; dứt trừ trạo hối, tâm không bị ràng buộc, nội hành tịch diệt, dứt trừ tâm trạo hối; đoạn trừ nghi hoặc để dứt lưới nghi, tâm phải chuyên nhất với các thiện pháp. Ví như người đầy tớ được chủ nhà ban cho tên họ, lấy làm mừng vui yên ổn, và cũng đã thoát khỏi sự sai khiên nên tâm người này rát hoan hỷ không còn lo sợ. Lại như có người vay tiên đi buôn, lời được khá lớn, khi trở vê? đem trả vôn lại cho chủ. Còn lại tiền của đủ dùng, người này tự nghĩ: "Ta trước vay tiền, lo sợ không được như ý, nay được lời nhiêu đã trả vôn cho chủ, còn lại đủ dùng, không còn lo sợ, vô cùng hoan hỷ." Lại như có người bệnh đã quá lâu, nay lại được lành, ăn uống tiêu hóa, sức lực dồi dào, người này nghĩ rằng: "Ta trước bị bệnh nhưng nay đã lành, ăn uông tiêu hóa, sức lực dôi dào, không còn lo sợ, vô cùng hoan hy.” Lại như có người bi giam lâu

ngày ở trong lao ngục, nay được phóng thích, người đó tự nghĩ: "Ta trước kia bị giam giữ, nay được thả ra, không còn lo sợ, VÔ cùng hoan hy.” Lại như có người mang nhiêu tài sản đi qua đông trông, không gặp giặc cướp, bình yên qua khỏi, người đó tự nghĩ: "Ta mang tài sản đã đi qua khỏi chỗ hiểm nạn, không còn lo sợ, vô cùng hoan hy, tâm được an lạc." Này thanh niên A-matrú, Tỳ-kheo có năm triên cái ngăn che, thường phải lo sợ cũng giống như vậy, như người vay tiền chưa trả, bị bệnh chưa lành, người ở trong lao ngục chưa được phóng thích, người đi trong đồng trống, v.v... Cũng vậy, Tỳ-kheo tự thấy mình chưa xả bỏ hoàn toàn các ấm cái, ngăn che, mê mờ5 huệ nhãn chưa được mở bày. Vi Tỳ-kheo ấy, liền phát tâm tinh cần dứt trừ các pháp dục, ác, bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, chứng nhập Sơ thiền. Vị Tỳ-kheo trên được hỷ lạc thấm nhuần toàn thân tràn đầy, không có chỗ nào là không sung mãn. Như người hầu tắm lão luyện, dùng thau đựng bột, đồng thời lấy nước trộn bột làm cho bột thấm ướt từ trong lẫn ngoài, không một chỗ nao là không thấm ướt. Cũng thế, khi Tỳ-kheo chứng nhập Sơ thiền thì hỷ lạc thấm nhuần toàn thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Như vậy, này A-ma-trú, đó là sự an lạc đầu tiên của thân trong hiện tại. Tại sao vậy? Vì do tinh tấn, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên đạt được trạng thái như thế. Vị Tỳ-kheo trên từ bỏ giác và quán, liền sanh lòng tin, chuyên niệm nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, chứng nhập Nhị thiền. Vị Tỳ- kheo trên được nhất tâm, hỷ lạc tham nhuần toàn thân, tràn đầy, không một chỗ nào là không sung mãn. Như nước suối mát trên đỉnh núi, từ trong chảy ra, không phải từ ngoài chảy vào. Trong ao ấy, luôn luôn tràn ra nước trong sạch và

tự thâm ướt không chô nào là không thâm ướt. Này A-ma-trú, như vậy, vị Tỳ- kheo chứng nhập Nhị thiền, do định phát sanh hỷ lạc, không chỗ nào là không sung mãn. Đó là sự an lạc thứ hai của thân trong hiện tại. Vi Tỳ-kheo trên từ bỏ hỷ, giữ niệm không tán loạn, thân cảm nhận sự an lạc, như các bậc Thánh đã nói, giữ gìn niệm lạc, chứng nhập Tam thiền. Thân vị Tỳ- kheo này, không có hỷ, chỉ có lạc thấm nhuần và tràn đầy cả thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Ví như hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen hồng, hoa sen trắng mới vượt khỏi bùn nhưng chưa vượt khỏi mặt nước. Do đó5 gốc, rễ, cành, lá đều còn thấm ướt trong nước, không một chỗ nào là không thấm ướt. Này A-ma-trú, như vậy, vị Tỳ-kheo chứng nhập Tam thiền, lìa hỷ5 trú lạc, thấm nhuần toàn thân, không một chỗ nào là không sung mãn. Đó là sự an lạc thứ ba của thân trong hiện tại. Vị Tỳ-kheo trên lìa hỷ lạc, diệt iru và hỷ đã cảm thọ trước, không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh chứng nhập Tứ thiền. Vị Tỳ-kheo ấy, thân tâm thanh tịnh, đầy đủ sung mãn không một chỗ nào là không sung mãn. Cũng như người tam gội sạch se, lấy lụa trắng đắp lên thân, toàn thân đều thanh tịnh. Này A-ma- trú, như vậy, vị Tỳ-kheo chứng nhập Tứ thiền thì tâm của vị này thanh tinh, sung mãn toàn thân, không một chỗ nào là không cùng khắp. Lại nữa, vị Tỳ-kheo trên sau khi chứng nhập Tứ thiền thì tâm không còn tăng giảm, đồng thời cũng không khuynh động, không còn ái nhuế và trú định Bất động. Ví như căn nhà kín, mặt trong, mặt ngoài vách, đều được tô kín và các cửa đều đóng chặt, không một chút gió lọt vào. Trong nhà được thắp một

ngọn đèn, đồng thời không ai đụng chạm đến và đèn vẫn tự nhiên cháy sáng bất động. Này A-ma-trú, cũng thế, vị Tỳ-kheo trên khi chứng nhập Tứ thiền thì tâm không tăng giảm, đồng thời không khuynh động, tru vào định không ái nhuế, bất động. Đó là sự an lạc thứ tư của thân trong hiện tại. Tại sao vậy? Đó là nhờ siêng năng, không lười biếng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng mà được như thế. Vị Tỳ-kheo trên, do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Chính từ thân này khởi lên tâm biến hóa, hóa thành thân khác, có đầy đủ các căn. Vị ấy thực hiện phép quán rằng: sắc thân tứ đại này biến thành thân kia, thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Từ thân này khởi tâm hóa thành thân kia, các căn đêu đây đủ. Ví như có người rút dao từ trong bao ra và tự nghĩ: "Bao khác, dao khác nhưng dao lại rút ra từ trong bao." Lại như có người đánh gai làm dây, người ấy tự nghĩ: “Gai khác, dây khác nhưng dây từ gai mà c6." Ví như có người lây răn từ trong giỏ ra, người ấy tự nghĩ: "Giỏ khác, rắn khác nhưng rắn từ giỏ mà ra." Lại như có người lấy áo từ trong rương, người ấy tự nghĩ: "Rương khác, áo khác nhưng áo được lấy ra từ trong rương.” Này A-matrú, vị Tỳ-kheo cũng thế. Đó là thắng pháp mà Tỳ-kheo chứng đắc đầu tiên. Tại sao vậy? Đó là nhờ siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng mà được như thế.

Vị Tỳ-kheo trên, do tâm định tĩnh, thanh tinh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Thế rồi, từ sắc thân tứ đại của mình khởi tâm biến thành hóa thân, tất cả các căn đều đầy đủ. Vị ấy quán rằng: Thân này do tứ đại hợp thành, thân kia do biến hóa mà có, thân này cũng khác, thân kia cũng khác. Tâm này ở trong thân này, nương vào thân này mà đến trú vào thân kia. Ví như ngọc lưu ly, ma-ni thật sáng, trong sạch, không tỳ vết; nếu lấy chỉ xanh, đỏ? vàng xâu lại, người có măt lây đê vào trong bàn tay mà quan sát thì biêt rang hạt châu khác, sợi chỉ khác nhưng sợi chỉ thì y cứ vào hạt châu, từ hạt châu này đến hạt châu khác liên kết với nhau. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo ấy quán sát rằng: Tâm y cứ vào thân này mà trú, cho đến hóa thân cũng như thế. Đó là thắng pháp thứ hai mà vị Tỳ-kheo này chứng được. Tại sao vậy? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở nơi thanh vắng nên được kết quả như thế. Vi ấy do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, nhu nhuyến, dễ điều phục mà trú định Bất động, đồng thời do tu tập nhất tâm nên chứng được Thần thông trí và có thể biến hóa ra các thứ, như biên hóa một thân thành ra vô số thân và thu hôi vô sô thân trở lại thành một thân, có thê bay qua vách dá, không chướng ngại, hoặc bay trên hư không như chim, hoặc đi trên nước, hoặc đi trên đất, hoặc thân phát ra lửa như đống lửa lớn, hoặc tay sờ mặt trời, mặt trăng hay đứng cao đến trời Phạm thiên. Ví như thợ gốm khéo nhồi đất, tùy theo ý mình tạo ra bát cứ món đô gì đêu được nhiêu lợi ích. Hoặc như thợ mộc sành nghê khéo đẽo cây, rồi tùy theo ý mình tạo ra đồ dùng đều thành tựu dễ dàng và được nhiều lợi ích. Lại như thợ ngà, khéo giũa ngà voi. Hoặc như thợ vàng khéo luyện vàng trở thành vàng ròng, rồi tùy theo ý mình tạo ra bất cứ món hàng gì đều được nhiều lợi ích. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh, thanh tinh mà trú định Bát động, tùy ý biên hóa, cho đên tay sờ mặt trời, mặt trăng, hoặc đứng cao đến trời Phạm thiên. Đây là thắng pháp thứ ba của vị Tỳ-kheo ấy.

Vị Tỳ-kheo ấy do tâm định tinh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo dễ điều phục mà trú đinh Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Thiên nhĩ trí. Thiên nhĩ trí của vị ấy, nghe rõ hơn tai người thường, nghe được hai loại tiếng: Tiếng trời và tiếng người. Ví như trong thành có một đại giảng đường cao rộng, nguy nga, ở trong đó có một người nghe thông suốt, trong giảng đường có tiếng thì không cần nhọc sức mà nghe vẫn được tất cả. Vị Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh nên được thiên nhĩ thanh tinh và có thể nghe được hai loại tiếng. Này A-ma-trú, đó là thắng pháp thứ tư của vi Tỳ-kheo ấy. Hơn nữa, vị Tỳ-kheo trên do tâm định tĩnh, thanh tinh, không ô uế, mềm dẻo, dê điêu phục mà trú định Bát động, do tu tập nhát tâm nên chứng được Tha tâm trí. Với Tha tâm trí của Tỳ-kheo ấy, có the biết tâm của kẻ khác có tham dục hay không tham dục, thanh tịnh hay không thanh tịnh, có si hay không có si, tâm quảng đại hay tâm hẹp hòi, đại tâm hay tiểu tâm, định tâm hay loạn tâm, tâm bị ràng buộc hay tâm giải thoát, tâm cao thượng hay tâm hạ liệt, cho đến

tâm vô thượng, tát cả đêu biêt hét. Ví như có người soi mình xuồng dòng nước trong, đẹp, xấu đều thấy rõ. Ty-kheo ấy cũng thế, do tâm thanh tịnh nên biết được tâm của kẻ khác. Này A-matrú, đó là thăng pháp thứ năm của Tỳ-kheo ấy. Vị Tỳ-kheo ấy do tâm đinh tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Túc mạng trí có thể nhớ lại bao nhiêu việc trong vô số kiếp ở quá khứ, như có thể nhớ một đời, cho đến vô số đời, hoặc những kiếp số thành hoại, nệười này chết ở đây, sanh chỗ khác, tên họ, dòng dõi, việc ăn uống, đẹp, xấu, song lâu hay chết yểu, khổ hay vui, hình sắc tướng mạo thảy đều nhớ biết. Ví như có người từ thôn mình đi đến một ấp thuộc nước khác và ở lại đó, hoặc đi hay dừng nghi, nói năng hay im lặng, lại từ nước đó lân lượt đên nước khác và cứ như thê lân hôi trở vê bôn xứ. Người này, không cân nhọc tâm lực mà có thê nhớ biêt hét những nước mà mình đã đi qua. Chăng hạn, từ chô này đên chô kia, từ chô kia đên chô này, hoặc đi, đứng, nói năng hay im lặng, thảy đều nhớ hết. Này A-ma-trú, vị Tỳ-kheo ấy cũng thế, do tâm định tĩnh, thanh tịnh, không ô uế mà trú đinh Bất động, do Túc mạnẹ trí nên có thể nhớ được bao nhiêu việc trong vô số kiếp ở quá khứ. Đây là thắng pháp thứ nhất mà Tỳ-kheo chứng được, diệt trừ vĩnh viễn vô minh nên phát sanh pháp đại minh và nhờ tiêu diệt tối tăm nên phát sanh pháp sáng sủa. Đây là cái minh về Túc mạng trí, minh của vị Tỳ-kheo ấy. Tại sao như vậy? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên được kết quả như thế. Vị ấy do tâm đinh tĩnh, thanh tịnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động, do tu tập nhất tâm nên chứng được Sanh tử trí. Thiên nhãn của vị ấy thanh tinh nên thấy được các chúng sanh thác ở đây, sanh ở chỗ kia, từ chỗ kia sanh vê đây, hình săc tót, xâu, các quả báo ác, thiện, tôn quý hay ti tiện, tùy theo chỗ tạo nghiệp của họ và những nhân duyên báo ứng, tất cả những điều đó đều thấy biết hết. Chẳng hạn như người này thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Thánh hiền, nói điều tà vọng, làm điên đảo kiến thức. Sau khi thân hoại mạng chung bị đọa vào ba đường ác. Hoặc người này thân làm thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ thiện, không phỉ báng Thánh hiền, kiến thức chân chánh và có tín hạnh. Sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời, cõi

người. Do thiên nhãn thanh tịnh nên thấy được các chúng sanh tùy theo nghiệp duyên của họ đã tạo mà qua lại năm đường. Ví như trong thành có một khoảng đất cao rộng, bằng phẳng và tại ngã tư đường có xây dựng một tòa lâu đài cao lớn, có một người sáng mắt ở trên lau đó nhìn những người bộ hành khắp bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc và thấy những cử động của họ. Này A-ma-trú, Tỳ-kheo trên cũng thế, do tâm định tĩnh, không ô uế, tm định Bất động và chứng được Sanh tử trí, do thiên nhãn thanh tịnh nên thấy hết tất cả hành vi thiện ác của chúng sanh và tùy theo nghiệp mà thọ sanh, qua lại trong năm đường. Đây là minh thứ hai của Tỳ-kheo, do đoạn trừ vô minh phát sanh tuệ minh, diệt trừ tối tăm, phát sanh ánh sáng trí tuệ. Đây là hai cái minh

chứng được vê cái trí thây được sự sanh tử của chúng sanh. Tại sao như thê? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vang nên được kết quả như vậy. Vị ấy do tâm định tĩnh, không ô uế, mềm dẻo, dễ điều phục mà trú định Bất động. Do tu tập nhất tâm nên chứng được Vô lậu trí. Vị ấy biết đúng như thật khổ Thánh đế, biết đung như thật hữu lậu tập Thánh đế, biết đúng như thật hữu lậu tận Thánh đế, biết đúng như thật hữu lậu tận đạo Thánh đế. Vị ấy đúng thế, biết như thế, thấy như thế về dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, được giải thoát tâm, được giải thoát trí, sanh tử đã hét, Phạm hạnh đã thành, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Ví như ở trong nước trong, có những loại thủy tộc như cây, đá5 cá, ba ba... lội tới lội lui, đôi với người có măt thì trông thây các loại ấy một cách rõ ràng, như đây là cây, đá, đây là cá, là ba ba... Này A-ma-trú, Tỳ-kheo cũng như thế, do tâm định tĩnh, thanh tinh mà trú đinh Bất động, chứng Vô lậu trí, cho đến không còn thọ sanh đời sau. Đó là cái minh thứ ba mà vị Tỳ-kheo chứng được, đoạn trừ vô minh, phát sanh tuệ minh, xả bỏ tối tăm? phát sanh ánh sáng đại trí. Đó là cái minh của Trí vô lậu. Tại sao như thế? Đó là do siêng năng, chuyên niệm không tán loạn và thích ở những nơi thanh vắng nên được kết quả như thế. Này A-ma-trú, đó là Minh, Hạnh cụ túc vô thượng. Ý ngươi thế nào? Minh, Hạnh như thế là đúng hay sai? Bây giờ, đức Phật bảo thanh niên A-ma-trú: -Có người không thể đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng này nhưng thực hành bốn phương tiện. Thế nào là bốn? Này A-ma-trú, hoặc có người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại đi cầm búa, mang giỏ đi vào trong rừng núi tìm thuốc và ăn rễ cây. Này A-ma-trú, đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng thực hành phương tiện thứ nhất. The nào A-ma-trú, phương tiện thứ nhất này, ngươi và thầy ngươi có thực hành không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: —Ngươi chính là một kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, trở lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn và làm tăng trưởng nhân địa ngục. Lại nữa, này A-ma-trú, có người không thể đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng này nhưng lại tay cầm bình bát, chống gậy, mang sách thuật đi vào trong rừng núi và chỉ ăn trái cây rụng. Đó là hạng người không đạt Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại thực hành phương tiện thứ hai. Thế nào A-ma-trú, ngươi và thầy ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không!

Đức Phật bảo A-ma-trú: -Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn làm tăng trưởng nhân địa ngục. Này A-ma-trú, có người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại từ bỏ việc hái thuốc và bỏ việc ăn trái cây rụng, trở vê với xóm làng, nương vào chốn nhân gian hoặc cất thảo am, hay ăn lá cây cỏ. Này A-ma-trú, đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng nhưng lại đi thực hành phương tiện thứ ba. Thế nào A-ma-trú? ngươi và thầy ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biêt đâu là chân, đâu là ngụy, trở lại hủy báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Đó là phương tiện thứ ba. Lại nữa, này A-ma-trú, có người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng, không ăn cỏ thuốc, không ăn trái cây rụng, không ăn lá cây, lại ở trong thôn xóm, trong thành quách, kiến tạo lâu đài lớn, tùy theo khả năng cung cấp cho những kẻ bộ hành từ bốn phương qua đây. Đó là hạng người không đạt được Minh, Hạnh cụ túc vô thượng, lại thực hành phương tiện thứ tư. Thê nào A-ma-trú, ngươi và thây ngươi có thực hành pháp này không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật bảo A-ma-trú: Ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy, lại đi hủy báng khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Này A-ma-trú, các cựu Bà-la-môn và những vị tiên nhân có nhiều chú thuật, ca ngợi, tán dương các chú thuật mà họ đã quen thuộc. Hiện nay các Bà- la-môn ca ngợi, tán dương, tụng đọc: Một là A-trá-ma, hai là Bà-ma9 ba là Bà- ma-đề-bà, bốn là Tỷ-ba-mật-đa, năm là Y-đâu-lại-tất? sáu là Da-bà-đề-già, bảy là Bà-bà-bà-tất-tra, tám là Ca-diếp, chín là A-lâu-na, mười là Cù-đàm, mười một là Thủ-di-bà, mười hai là Tổn-đà-la. Các đại tiên, đại Bà-la-môn trên, đào hào xây nhà cửa, thành quách, như thầy trò ngươi hiện nay đang ở không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Đức Phật hỏi tiếp: Các đại tiên ấy có xây thành quách chung quanh chỗ họ ở như chỗ hiện nay thây trò ngươi đang ở chăng?

A-ma-trú đáp: Thưa không! Các vị đại tiên ây có đặt giường cao, nệm dày, mên gói mem mại như là chỗ ở của thầy trò ngươi hiện nay chăng? Thưa không! Các đại tiên ấy có dùng các mỹ nữ có mang vàng, bạc, anh lạc, trên đầu có đeo hoa đủ màu để tự vui thú như thầy trò ngươi chăng? Các đại tiên ấy có từng đi bằng xe báu, có người cầm kích đi trước, đầu che lọng trắng, tay cầm phất báu, chân đi giày báu đủ màu, lại mặc toàn đồ trắng viền, trang phục như của thầy trò ngươi hiện nay không? A-ma-trú đáp: Thưa không! Này A-ma-trú, ngươi chính là kẻ hạ liệt, nhỏ mọn, không biết đâu là chân, đâu là ngụy mà lại phỉ báng, khinh khi dòng họ Thích, tự gieo tội căn, làm tăng trưởng nhân địa ngục. Thế nào A-ma-trú, các đại tiên và cựu Bà-la-môn ấy có thường tán thán, diên thuyêt những điêu mà họ vôn phúng tụng như các Bà-la- môn hiện nay tán thán và phúng tụng A-trá-ma... Nếu theo họ nói thì đó là để giúp cho ai muốn sanh vào Phạm thiên, như thế thì không đúng. Này A-ma-trú, như Vua Ba-tư-nặc bàn luận cùng với các quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ. Người khác nghe được, liền vào thành Xá-vệ gặp một người nào đó và kể lại: Vua Ba-tư-nặc nói thế này, thế này!... A-ma-trú nghĩ sao, vua có cùng người ấy bàn luận không? A-ma-trú đáp: Không phải!

Này A-ma-trú, người ấy đem lời nói của vua để nói cho kẻ khác, người đó có phải là vua, là đại thần không? A-ma-trú đáp: Không! Này A-ma-trú, nay các ngươi hăng ngày truyên đạt các phúng tụng của các bậc đại tiên xưa, các cựu Bà-la-môn để dạy người, muốn sanh vào Phạm thiên thì không có sự kiện đó. A-ma-trú nghĩ sao? Các ngươi thọ nhận sự cúng dường của kẻ khác thì có theo pháp mà hành không? A-ma-trú đáp: —Thưa Cù-đàm? đúng vậy! Một khi đã nhận lãnh sự cúng dường thì phải như pháp mà hành. NàyA-ma-trú, thây ngươi là Bà-la-môn Phât-già-la-ta-la đã nhận cái làng mà vua phong. Khi bàn luận với Vua Ba-tư-nặc, nhà vua ba lần bảo không nên

bàn những lời vô ích, không lấy chính sự mà thảo luận với nhau. Nay ngươi hãy tự xét, lỗi của thầy ngươi hãy gác lại, chỉ xét nguyên nhân nào khiến ngươi đến đây! A-ma-trú tức thời đưa mát quán sát toàn thân Như Lai đê tìm các tướng tót. Ông ta thấy các tướng nhưng còn hai tướng thì không thấy, lòng sanh nghi ngờ. Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng tự nghĩ: "Nay thanh niên này, vì không thấy hai tướng, do đó mới sanh nghi ngóc' Ngài liền hiện tướng lưỡi rộng dài, liếm tai và che cả mặt. Khi đó, A-ma-trú còn nghi ngờ một tướng nữa. Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Nay thanh niên này còn nghi một tướng nữa." Ngài liền dùng thần lực khiên cho một mình A-ma-trú thây được mã âm tàng. Bây giờ, A-ma-trú đã thấy hết tất cả các tướng, không còn hồ nghi gì đối với đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi quanh đức Phật và ra về. Lúc đó, Bà-la-môn Phât-già-la-ta-la đứng ở ngoài cửa trông đệ tử của mình và thây A-ma-trú từ xa đi lại, liên đên hỏi: Ngươi thấy Cù-đàm thật có đủ tướng tốt, công đức thần lực có đúng như lời đồn không? A-ma-trú thưa: Bạch thây, Sa-môn Cù-đàm có đây đủ ba mươi hai tướng tót, công đức thần lực quả đúng như lời đồn. Phất-già-la-ta-la hỏi: Ngươi có luận nghị với Sa-môn Cù-đàm không? A-ma-trú đáp: Con có bàn luận với Sa-môn Cù-đàm. Phất-già-la-ta-la hỏi tiếp: Ngươi bàn luận việc gì với Cù-đàm? Khi đó9 A-ma-trú tường thuật đày đủ cuộc đối thoại giữa mình và đức Phật cho thay nghe. Khi nghe xong, Bà-la-môn nói: Ta có một người đệ tử thông minh như thê thì chăng bao lâu chúng ta sẽ vào địa ngục. Vì sao? Vì ngươi muốn nói cho hơn nên dám chê bai đức Cù- đàm5 khiến cho Ngài không vui và làm cho ta với Ngài trở thành xa cách nhau. Ngươi và các đệ tử thông minh đến như thế, khiến ta chẳng bao lâu sẽ sa vào địa ngục. Lúc đó, vị Bà-la-môn ấy sanh lòng tức giận, liền đạp A-ma-trú té nhào, rồi lập tức lên xe. Khi A-ma-trú rớt xuống xe liên phát sanh bệnh cùi (hủi). Bây giờ, Bà-la-môn Phât-già-la-ta-la ngước nhìn mặt trời xong im lặng, tự nghĩ: "Giờ thì chưa đúng lúc để ta đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm. Vậy phải đợi hôm sau, ta sẽ đến hỏi Ngài." Thế rồi, vào sáng hôm sau, Bà-la-môn sửa soạn xe báu và ngồi trên xe báu, có năm trăm đệ tử vây quanh trước sau, đến rừng

Y-xa, xuống xe đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, nêu lời thăm hỏi và ngồi qua một bên, ngước nhìn thân Như Lai, thay đủ ba mươi tướng nhtmg chỉ có hai tướng là không thấy. Bà-la-môn sanh lòng hoài nghi hai tướng ấy. Đức Phật biết tâm ý, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, liếm tới mép tai và che cả mặt. Khi đó, Bà-la- môn còn nghi một tướng

nữa. Đức Phật biết ý? liền dùng thần lực, khiến cho Phât-già-la-ta-la thây mã âm tàng. Bây giờ, Bà-la-môn thây đây đủ ba mươi hai tướng tót của đức Phật, tâm liên khai ngộ, không còn hô nghi gì cả và bạch đức Phật rằng: Khi con đang đi giữa đường mà gặp đức Phật nếu con dừng xe lại một chút, xin Ngài biết cho là con đã đảnh lễ đức Thế Tôn! Vì sao? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc. Giả sử con bước xuống xe thì con sẽ mát sự phong thôn này, đông thời, những tiêng xâu sẽ đôn đãi kháp nơi. Bạch Thê Tôn, nêu con xuồng xe, mở kiêm, xép lọng và hạ cây cờ phía trước, cũng như súc binh, tháo giày, xin Ngài biết cho là con đã kính lễ đức Như Lai! Vì sao thế? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc, có năm thứ nghi vệ như thê; nêu lê bái Ngài thì con sẽ mát sự phong thôn trên, đông thời, những tiếng xấu sẽ đồn đãi khắp nơi. Bạch Thế Tôn, nếu khi con ở trong chúng mà trông thấy đức Phật liền đứng dậy, hoặc vén áo để lộ vai phải, hoặc tự xưng danh tánh, xin Ngài biết cho, đó là con đã kính lễ Như Lai! Vì sao? Vì con đã nhận lãnh sự phong thôn của Vua Ba-tư-nặc, nếu con lễ bái thì con sẽ mất sự phong thôn này, đồng thời, tiếng xấu sẽ đồn đãi khắp nơi. Bạch Thê Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong đức Thế Tôn cho phép con được làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài! Từ nay về sau, con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Cúi mong đức Thê Tôn và đại chúng hãy nhận lời thỉnh ngọ trai của con! Bấy giờ, đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Bà-la-môn lúc đó trông thấy Phật im lặng, biết là Ngài đã chấp nhận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật, đi quanh ba vòng và ra về. Khi về đến nhà, Bà-la-môn sửa soạn những thức ăn, thức uống để cúng dường, khi chuẩn bị xong, liền trở lại bạch đức Phật. Lúc đó5 đức Thế Tôn đắp y, mang bát cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi đên nhà Bà-la-môn, tiên đên chô ngôi được soạn săn và ngôi tại đấy. Bà-la-môn khi đó, tư tay mình bưng sớt thức ăn, đem đủ thứ thức ăn ngon để cúng đức Phật và chúng Tăng. Sau khi đức Thế Tôn thọ trai, rửa bát, rửa tay xong, Bà-la-môn dùng tay mặt năm cánh tay A-ma-trú đên trước đức Thê Tôn và thưa: Cúi xin đức Như Lai nghe lời hối lỗi của A-ma-trủ! Cúi mong đức Như Lai nghe lời hối lỗi của A-ma-trú...!

20. KINH A-MA-TRÚ 285

Bà-la-môn này thưa đủ ba lần như thế và bạch Phật tiếp: Cũng như người khéo huấn luyện voi, ngựa, nếu còn có chỗ lệch lạc thì cần phải sửa lại cho đúng. Nay A-ma-trú cũng vậy, tuy có những lỗi lầm sơ suất, cúi xin đức Thế Tôn hãy nghe lời hối lỗi của A-ma-trú! Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ta sẽ khiên cho ông được trường thọ, ở trong đời hiện tại được an ôn, đồng thời khiến cho bệnh cùi của đệ tử ông hoàn toàn tiêu trừ. Khi đức Phật nói vừa dứt lời thì chứng bệnh cùi của đệ tử Bà-la-môn liền hết. Khi đó, Bà-la-môn lấy một ghế nhỏ ngồi ở trước đức Phật. Sau đó? đức Thế Tôn thuyết pháp, chỉ bày, hướng dẫn, khiến cho Bà-la-môn được lợi ích, vui mừng, như nói về bố thí, trì giới và sự sanh thiên, nói tham dục là ô uế, nói hữu lậu là tai họa, giải thoát là trên hết, chỉ bày sự thanh tịnh. Bấy giờ, đức Thế Tôn biêt tâm của Bà-la-môn đã thuần thục, nhu hòa thanh tinh, không còn câu nhiễm, có thể lãnh thọ được giáo pháp. Do đó, Ngài cũng theo thông lệ của chư Phật mà nói về khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bà-la-môn, ngay tại chô ngôi, xa lìa trân câu, chứng được pháp nhãn

thanh tinh. Cũng như tấm lụa vừa trắng, vừa sạch, rất dễ nhuộm màu, Bà-la-môn Phất-già- la-ta-la cũng thế, thấy pháp, chứng pháp, tin chắc nơi đạo quả, không còn tin theo đạo nào khác, được pháp Vô sở úy (không còn sợ sệt), liền bạch đức Phật: Nay con lại xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng! Mong Ngài cho phép con được làm kẻ ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp của Ngài! Con nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm căp5 không tà dâm, không nói dôi và không uống rượu. Cúi xin đức The Tôn và đại chúng thương xót nhận lời thỉnh cúng dường bảy ngày của con! Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng. Khi đó, Bà-la-môn, trong vòng bảy ngày, soạn đủ các thức ăn cúng dường đức Phật và đại chúng. Sau khi qua bảy ngày xong, đức The Tôn lại du hành trong nhân gian. Đức Phật ra đi chưa bao lâu, Bà-la-môn Phất-già-la-ta-la bi bệnh và qua đời. Khi đó, các Tỳ-kheo hay tin Bà-la-môn này, trong bảy ngày cúng dường Phật xong thì liền qua đời. Mỗi người đều tự nghĩ: "Không biết Bà-la-môn này sau khi qua đời, sẽ sanh về dau?99 Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ đức Phật xong, ngồi xuống một bên và thưa: Bà-la-môn kia, trong bảy ngày cúng dường đức Phật xong thì qua đời và sẽ sanh về đâu? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Người dòng họ Bà-la-môn này tích chứa các điều thiện, mỗi pháp đều đầy đủ, không trái với pháp hành, đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, nhập Niết-bàn tại cõi Vô sắc, không còn sanh lại cõi này nữa. r

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.